TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2025/DS-PT
Ngày 11 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng
Bà Ngô Thị Kim Châu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2025/TLPT-DS, ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2025/DS-ST, ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2025/QĐPT-DS, ngày 15 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách N, sinh năm 1970. (có mặt)
Địa chỉ: Khóm I, xã M, tỉnh Vĩnh Long.
Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Minh N1 Văn phòng L – Đoàn luật sư tỉnh V;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh năm 1985. (có mặt)
Địa chỉ: Khóm I, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1.Anh Dương Tuấn V, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm D, xã M, tỉnh Vĩnh Long.
2. Chị Võ Hoàng Đông V1, sinh năm 2000 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm I, xã M, tỉnh Vĩnh Long.
Người kháng cáo: Bà Quách N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Quách N trình bày:

Vào ngày 18/7/2022, bà có vay của Nguyễn Thị Ngọc Á (tên thường gọi là T) số tiền 20.000.000 đồng, không làm biên nhận thỏa thuận góp mỗi ngày là 800.000 đồng, chị đã góp được 15 ngày còn 15 ngày nữa xong. Ngày 15/5/2022, bà vay của chị Á 03 lần, lần 01 là 10.000.000 đồng đóng lãi mỗi ngày 100.000 đồng, lần 02 là 20.000.000 đồng, đóng lãi mỗi ngày 200.000 đồng, lần 03 là 15.000.000 đồng (chị đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ 5.000.000 đồng), đóng lãi mỗi ngày 50.000 đồng. Quá trình vay tiền, chị đã góp cho chị Á là 26.500.000 đồng, hiện tại chị còn nợ chị Á là 20.500.000 đồng.

Ngoài ra, chị có vay của Võ Hoàng Đông V1, sinh năm 2000, địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh số tiền 40.000.000 đồng, không có làm biên nhận, lãi suất vay mỗi ngày là 200.000 đồng. Sau khi vay tiền của chị V1 thì chị V1 cùng bà thỏa thuận là đóng lãi mỗi ngày cho chị Á nhận là 200.000 đồng, bà đã đóng lãi cho chị Á nhận mỗi ngày là 400.000 đồng, bà đóng lãi hơn 01 năm với số tiền 72.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải trả cho bà số tiền lãi chị đóng dư phần tiền lãi của chị V1 cho chị Á nhận là 72.000.000 đồng, đối với số tiền còn nợ chị Á là 20.500.000 đồng thì bà đồng ý trả cho chị Á..

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Á trình bày: Vào khoảng 2023, chị có cho bà Quách N mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, việc vay mượn tiền không làm giấy tờ. Sau đó, bà N không có khả năng trả tiền cho chị nên năn nỉ chị góp hàng ngày mỗi ngày là 200.000 đồng cho đến khi đủ số tiền 40.000.000 đồng nhưng có ngày góp ngày không, tổng cộng bà N đã góp cho chị là 19.000.000 đồng còn nợ chị 21.000.000 đồng. Sau đó bà N tiếp tục nhờ chị mượn thêm 20.000.000 đồng. Nay bà N cho rằng đã trả cho chị số tiền 26.500.000 đồng, còn thiếu chị 20.500.000 đồng thì chị đồng ý theo lời trình bày của chị N. Bà N cho rằng chị có nhận tiền lãi của Võ Hoàng Đông V1 (tên thường gọi là B) là không đồng ý, do chị không có nhận tiền lãi này. Chị Á yêu cầu phản tố chị N phải trả cho chị số tiền còn nợ chị là 20.500.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Tuấn V trình bày: Anh thống nhất theo lời trình bày của vợ anh Nguyễn Thị Ngọc Á về số tiền vay và số tiền bà N còn nợ vợ anh. Nay vợ anh yêu cầu bà N trả số tiền còn nợ là 20.500.000 đồng thì anh thống nhất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Hoàng Đông V1: Chị có cho chị Quách N mượn 40.000.000 đồng, không có nhận lãi và chị cũng không có yêu cầu bà N đóng lãi cho bà Á. Trong vụ án này chị không có yêu cầu.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2025/DS-ST, ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 147, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách N về việc buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải trả số tiền lãi đóng dư là 72.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Ngọc Á.

Buộc bà Quách N phải trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc Á số tiền còn nợ là 20.500.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ngọc Á không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/4/2025 bà Quách N kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc chị Nguyễn Ngọc Á trả tiền lãi bà đóng thừa bằng 72.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Căn cứ giấy tay chị Á viết đưa cho bà N có ghi phần nợ của chị V1 đưa qua 40.000.000 đồng chị V1 cũng thừa nhận có cho bà N vay 40.000.000 đ. Bà N căn cứ giấy chị Á viết để tính lãi bằng 72.000.000 đồng. Do quen biết đóng lãi nhiều lần nên không làm biên nhận. Bà N đã đóng lãi cho bà Á bằng 72.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Quách N.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà N không chứng minh được đã đóng lãi cho chị Á bằng 72.000.000 đồng của khoản tiền vay của chị Võ Hoàng Đông V1. Chị V1 và chị Á cũng không thừa nhận có nhận tiền lãi của khoản tiền 40.000.000 đồng bà N vay của chị V1. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Bà N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án theo Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của bà Quách N còn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] Xét thấy yêu cầu chị Nguyễn Ngọc Á trả tiền lãi bà đóng thừa bằng 72.000.000 đồng. Bà Quách N cho rằng bà vay của chị Võ Hoàng Đông V1 40.000.000 đồng lãi suất mỗi ngày 200.000 đồng, chị V1 nhờ chị Nguyễn Thị Ngọc Á lấy lãi giùm nhưng chị Á lấy lãi của bà 400.000 đồng/ngày bà đóng lãi hơn 1 năm nên bà yêu cầu chị Á trả lại 72.000.000 đồng tiền lãi của số vốn 40.000.000 đồng bà đóng thừa. Bà Á không thừa nhận có nhận số tiền lãi 400.000

đồng/ngày của số tiền 40.000.000 đồng bà N vay của chị V1. Theo lời khai của chị Võ Hoàng Đông V1 thì vào năm 2023 chị có cho bà N mượn 40.000.000 đồng không có lấy lãi và cũng không có nhờ chị Á lấy lãi của bà N.

[3] Bà N có cung cấp tờ giấy tập của chị Á ghi số tiền vay của bà N trong đó hàng cuối ghi: "*của bi đưa qua: 400.000*". Chị Á cho rằng là tiền lãi của chị V1 mỗi ngày đóng cho bà Á 400.000 đồng. Chị Á cho rằng tờ giấy này ghi cho bà N để cho người thân của chị Á ở nước ngoài gửi tiền về. Chị Á không thừa nhận có nhận tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng của chị V1, bà N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có đóng lãi mỗi ngày bằng 40.000.000 đồng cho chị Á nhận. Tờ giấy của bà N cung cấp cũng không có nội dung chị Á đã nhận lãi mỗi ngày bằng 400.000 đồng của khoản vay của chị V1 40.000.000 đồng nên yêu cầu kháng cáo của bà N không có cơ sở để chấp nhận

[4] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Hội đồng xét xử có xem xét nhưng không có cơ sở để chấp nhận. Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ có trong vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[6] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà Quách N không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Quách N.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 30/2025/DS-ST, ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13- Vĩnh Long).

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách N về việc buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Á phải trả số tiền lãi đóng dư là 72.000.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Quách N phải chịu 300.000 đồng. Bà N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0011727 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang nên cấn trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 13 –Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 13-Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thành Trung